

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21/06/1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104443 đăng lý lần đầu ngày 30/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/10/2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 519 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Duy Linh	Chủ tịch	
Ông Trần Công Chiến	Thành viên	
Ông Lại Cao Lê	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Nghiêm Văn Thắng	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Bùi Đức Hoàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2016)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Anh	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01/09/2016)
Ông Bùi Đức Hoàn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/09/2016)
Ông Bùi Đức Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01/09/2016)
Ông Trần Công Chiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 04/11/2016)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Duy Lý	Thành viên	
Ông Lê Quang Hưng	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/06/2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP được lập ngày 01 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

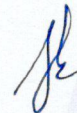
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2013-002-1
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2017



Phan Bá Triều
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1471-2013-002-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.192.902.185.703	982.846.731.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	214.532.546.557	78.630.988.156
1. Tiền	111		121.917.571.981	55.420.842.933
2. Các khoản tương đương tiền	112		92.614.974.576	23.210.145.223
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	548.848.317.192	498.264.382.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		548.848.317.192	498.264.382.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.337.504.804	126.137.095.726
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	33.294.539.332	93.689.468.124
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.399.388.738	7.861.088.874
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.300.000.000	2.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	29.710.562.725	26.535.521.119
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.366.985.991)	(4.248.982.391)
IV. Hàng tồn kho	140	10	338.029.158.540	276.303.242.946
1. Hàng tồn kho	141		339.660.745.785	276.303.242.946
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.631.587.245)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.154.658.610	3.511.023.083
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	4.083.815.041	79.085.048
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.641.981.042	1.418.804.586
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	6.428.862.527	2.013.133.449
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		413.819.503.191	470.679.263.353
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000	60.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	60.000.000	60.000.000
II. Tài sản cố định	220		296.861.916.660	309.978.942.911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	296.861.916.660	309.978.942.911
- Nguyên giá	222		890.867.649.329	829.623.043.095
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(594.005.732.669)	(519.644.100.184)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		102.115.200	353.629.931
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		102.115.200	353.629.931
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	93.985.873.067	129.107.865.976
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		65.130.794.562	94.394.553.831
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.312.742.151	17.602.686.209
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.457.663.646)	(2.889.374.064)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.809.598.264	31.178.824.535
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	22.512.097.119	31.178.824.535
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31	297.501.145	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.606.721.688.894	1.453.525.995.264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		355.532.786.325	282.371.832.610
I. Nợ ngắn hạn	310		342.648.876.415	275.852.550.055
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	84.555.789.162	95.281.639.736
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	81.465.531.272	11.618.345.674
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.207.762.782	9.103.686.891
4. Phải trả người lao động	314		46.435.206.467	43.436.037.004
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.195.057.070	6.549.637.381
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	37.429.574.465	32.185.647.197
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	12.058.715.310	17.994.742.564
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.151.313.639	411.118.753
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		63.149.926.248	59.271.694.855
II. Nợ dài hạn	330		12.883.909.910	6.519.282.555
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	3.273.840.000	2.116.640.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	2.750.000.000	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	31	6.860.069.910	4.402.642.555
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.251.188.902.569	1.171.154.162.654
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.251.188.902.569	1.171.154.162.654
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		631.010.000.000	631.010.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>631.010.000.000</i>	<i>631.010.000.000</i>
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		102.000.000.000	102.000.000.000
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(86.458.733.912)	(86.458.733.912)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.725.222.733	17.612.640.778
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.048.880.755	143.950.416.265
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>94.761.367.088</i>	<i>43.711.753.665</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>96.287.513.666</i>	<i>100.238.662.600</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		382.863.532.993	363.039.839.523
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.606.721.688.894	1.453.525.995.264


Nguyễn Thị Ngọc
Người lập biểu


Lê Nhân Đức
Kế toán trưởng

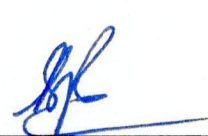

Nguyễn Hồng Anh
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

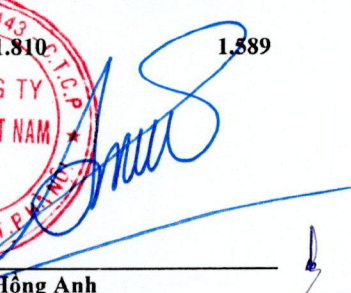
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.715.749.530.374	2.642.140.691.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	3.119.781.812	1.695.047.169
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.712.629.748.562	2.640.445.644.253
4. Giá vốn hàng bán	11	23	2.240.962.339.127	2.266.648.043.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		471.667.409.435	373.797.600.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	50.297.117.690	39.517.649.902
7. Chi phí tài chính	22	25	2.216.945.338	5.247.399.560
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		494.740.641	3.472.393.374
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(8.576.805.443)	(3.199.759.676)
9. Chi phí bán hàng	25	26	235.096.284.806	160.506.174.352
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	57.399.982.777	54.467.205.724
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		218.674.508.761	189.894.711.011
12. Thu nhập khác	31	28	23.292.686.907	26.050.843.688
13. Chi phí khác	32	29	12.589.150.548	15.734.877.270
14. Lợi nhuận khác	40		10.703.536.359	10.315.966.418
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		229.378.045.120	200.210.677.429
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	13.146.405.051	10.109.688.677
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	2.159.926.211	1.443.292.136
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		214.071.713.858	188.657.696.616
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		114.195.064.180	100.238.662.600
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		99.876.649.678	88.419.034.016
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.810	1.889


Nguyễn Thị Ngọc
Người lập biểu


Lê Nhân Đức
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		221.858.610.169	200.210.677.429
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		82.266.210.403	81.093.135.107
- Các khoản dự phòng	03		9.058.075.313	4.241.135.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		38.411.342	(34.519.780)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.654.857.299)	(30.295.012.204)
- Chi phí lãi vay	06		494.740.641	3.472.393.374
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		281.061.190.569	258.687.808.975
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		34.038.063.024	(53.455.662.283)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(84.828.222.124)	33.122.858.790
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(17.469.865.013)	1.263.737.137
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		227.285.908	508.741.959
- Tiền lãi vay đã trả	14		(704.942.705)	(983.186.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.295.383.103)	(11.777.955.580)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	15.313.821.140
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.570.701.392)	(43.682.963.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		197.457.425.164	198.997.200.673
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55.117.165.324)	(40.916.077.411)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.104.494.709	8.129.511.189
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(328.429.450.000)	(285.996.281.431)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		312.150.333.400	80.354.223.831
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.095.820.000	1.528.413.568
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.832.972.792	32.049.563.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.362.994.423)	(205.600.646.408)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		18.349.681.721	73.714.788.154
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.535.708.975)	(84.855.684.193)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.015.650.000)	(77.675.913.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(44.201.677.254)	(88.816.809.849)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		135.892.753.487	(95.420.255.585)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		78.630.988.156	174.007.604.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.804.914	43.639.263
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3	<u>214.532.546.557</u>	<u>78.630.988.156</u>


Nguyễn Thị Ngọc
Người lập biểu


Lê Nhân Đức
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2017